

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/11/2018

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Huỳnh Thị Châu
2/ Bà Huỳnh Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018, về việc “Ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn L** – sinh năm 1982

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp L, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Kim Y** - sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(anh L có mặt; chị Y vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Y tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tự nguyện kết hôn được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/7/2006.

Thời gian đầu sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa anh L và chị Y không thống nhất trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái, chị Y không

dành thời gian chăm lo cho gia đình, không cùng anh xây dựng kinh tế. Từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã làm mất tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, anh L còn nghi ngờ chị Y có quan hệ với người đàn ông khác nhưng chị Y không thừa nhận. Vào đầu tháng 3/2018 (anh không nhớ rõ ngày) thì chị Y bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị Y tại ấp H, xã H, huyện T sống từ đó đến nay.

Trong thời gian vợ chồng không chung sống thì anh L đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin để mong chị Y quay về đoàn tụ nhưng chị Y không đồng ý. Đến nay tình cảm của anh L đối với chị Y không còn, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Kim Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thanh P – sinh ngày 26/02/2006 và cháu Nguyễn Cẩm T – sinh ngày 03/12/2013.

Khi ly hôn, anh L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P và cháu T và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện anh đang làm thuê, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Về tài sản: Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Kim Y trình bày:

Bị đơn chị Lê Thị Kim Y không đến Tòa án làm việc nên không có bản tự khai, cũng như biên bản ghi lời khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc; về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX xử cho anh L và chị Y được ly hôn; đồng thời giao cháu P, cháu T cho anh L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh L không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng**: Tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Kim Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- **Về nội dung**:

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Y được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27 tháng 7 năm 2006, hôn nhân của anh L và

chị Y phù hợp với các Điều 9; Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa, anh L giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với chị Y. Chị Y không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến về yêu cầu của anh L.

Xét, yêu cầu xin ly hôn của anh L thì thấy:

Anh L thừa nhận, do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên vào đầu tháng 3/2018 thì chị Y đã về nhà cha mẹ ruột của chị Y tại ấp H, xã H, huyện T sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng không chung sống với nhau thì anh L cũng nhiều lần tìm gặp chị để vợ chồng bàn bạc về việc đoàn tụ gia đình nhưng chị Y không đồng ý, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, mạnh ai người đó sống, vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

Hơn nữa, Tòa án đã triệu tập chị Y đến Tòa án làm việc để hòa giải và tìm ra các giải pháp để cải thiện tình cảm giữa chị Y và anh nhưng chị Y cố tình không đến Tòa án làm việc và tại các buổi làm việc, hòa giải chị Y đều vắng mặt, điều đó thể hiện việc chị Y không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình.

Từ nhận định trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L.

[2] Về con chung: Anh L và chị Y có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thanh P – sinh ngày 26/02/2006 và cháu Nguyễn Cẩm T – sinh ngày 03/12/2013. Hiện cháu P và cháu T đang được anh L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu P có nguyện vọng và mong muốn được ở chung với anh L. Do vậy, để ổn định tâm lý và môi trường sống của con trẻ. Xét cần giao cháu P và cháu T cho anh L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Tạm thời anh L không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này.

[3] Về tài sản: Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[4] Về án phí: Anh L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, anh L đã nộp tiền tạm ứng án phí được chuyển sang nộp án phí.

Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9; Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị Kim Y được ly hôn.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thanh P – sinh ngày 26/02/2006 và cháu Nguyễn Cẩm T – sinh ngày 03/12/2013 cho anh Nguyễn Văn L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời anh L không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở...

- *Về tài sản:* Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 008901 ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất sang nộp án phí. Anh Nguyễn Văn L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Và Kíu

